

MA TRẬN ĐỀ

- Thời gian làm bài: 45 phút.
- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).
- Cấu trúc:
 - + Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.
 - + Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm
 - + Phần tự luận: 5,0 điểm

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Điểm	% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH			
			Số CH	Câu	Số CH	Câu	Số CH	Câu	Số CH	Câu	TN	TL		
1	I. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	1.1. Nghề nghiệp đối với con người	3	C1,2,3	2	C4,5					5		1,67	36,7
		1.2. Ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ			1	C16						1	2	
2	II. Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân	2.1. Hệ thống giáo dục Việt Nam	1	C6							1		0,33	26,7
		2.2. Lựa chọn nghề trong hệ thống giáo dục	2	C7,8							2		0,67	
		2.3. Định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS	2	C9,10			1	C17			2	1	1,67	
3	III. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại	3.1. Thị trường lao động	2	C11,12	1	C15					3		1	36,7
		3.2. Thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	2	C13,14			1	C18			2	1	2,67	

	Việt Nam													
Tổng			12		4		2				15	3	10	
Tỉ lệ %			40		30		30						100	
Tỉ lệ chung (%)			70				30						100	100

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP							
1	I. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	1.1. Nghề nghiệp đối với con người	Nhận biết: - Trình bày được khái niệm nghề nghiệp. - Trình bày được tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội. Thông hiểu: - Phân tích được ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người. Vận dụng: - Phát biểu được quan điểm cá nhân về lựa chọn nghề nghiệp của bản thân.	3 (C1,2,3)	2 (C4,5)		
		1.2. Ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	Nhận biết: - Kể tên được một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. - Trình bày được những đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. - Trình bày được những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Thông hiểu: - Phân tích được những đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. - Phân tích được những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.		1 (C16)		

			Vận dụng: - Xác định được sự phù hợp của bản thân với ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.				
2	II. Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân	2.1. Hệ thống giáo dục Việt Nam	Nhận biết: - Kể tên được những thành tố chính trong hệ thống giáo dục tại Việt Nam. - Nhận ra được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục. Thông hiểu: - Mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam. - Giải thích được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục.	1 (C6)			
		2.2. Lựa chọn nghề trong hệ thống giáo dục	Nhận biết: - Nhận ra được cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục. Thông hiểu: - Giải thích được cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.	2 (C7,8)			
		2.3. Định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS	Nhận biết: - Trình bày được những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS. Thông hiểu: - Giải thích được những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS. Vận dụng: - Tìm hiểu được thông tin về các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.	2 (C9,10)			1(C17)

3	III. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam	3.1. Thị trường lao động	Nhận biết: - Trình bày được khái niệm về thị trường lao động. - Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động. - Trình bày được vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Thông hiểu: - Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.	2 (C11,12)	1(C15)		
		3.2. Thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	Nhận biết: - Trình bày được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ. Thông hiểu: - Phân tích được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ. Vận dụng: - Tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.	2 (C13,14)			1(C18)
	Tổng				12	4	2

Họ và tên:	<u>Điểm:</u>	<u>Nhận xét của giám khảo:</u>
Lớp: 9/		

A. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)

Hãy chọn chữ cái A, B, C, D đứng trước phương án trả lời đúng cho mỗi câu và điền vào bảng kết quả ở phần bài làm (từ câu 1-15)

Câu 1. Lập trình viên còn được gọi là

- A. kĩ sư máy tính. B. nhà phát triển phần mềm.
C. kĩ sư lập trình phần mềm. D. nhà thiết kế phần mềm, ứng dụng mới.

Câu 2. Công việc của thợ cơ khí là

A. lắp đặt, chế tạo, vận hành máy móc hoặc sửa chữa, phục hồi, thay thế các bộ phận hư hỏng trên máy móc.

B. nghiên cứu, vận hành, theo dõi các hệ thống tự động, dây chuyền sản xuất tự động, phát hiện và sửa chữa cũng như khắc phục những sai sót của hệ thống một cách kịp thời.

C. phụ trách nghiên cứu, thiết kế, triển khai xây dựng và hoàn thiện những vấn đề liên quan đến hệ thống điện.

D. chịu trách nhiệm lên kế hoạch triển khai các hệ thống mới, xử lý lỗi phần mềm và nâng cao hiệu suất của toàn bộ hệ thống.

Câu 3. Môi trường làm việc của lập trình viên có đặc điểm gì?

A. Môi trường làm việc khép kín, ít có sự giao tiếp.

B. Cần biết ít nhất một ngoại ngữ để cập nhật xu hướng mới trên thế giới và giao tiếp tri thức nhân loại.

C. Làm việc với nhiều máy móc, thiết bị hiện đại, luôn được tiếp cận với các thành tựu mới nhất của khoa học, công nghệ.

D. Có thể là các nhà máy, phân xưởng, nhà xưởng tư nhân.

Câu 4. Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về nghề nghiệp?

A. Là tập hợp các công việc được xã hội công nhận.

B. Việc làm có tính chất ổn định, gắn bó lâu dài với mỗi người, mang lại thu nhập và cơ hội để họ phát triển bản thân.

C. Con người có năng lực, tri thức, kĩ năng tạo ra các sản phẩm vật chất, tinh thần đáp ứng nhu cầu xã hội, mang lại thu nhập ổn định và tạo nên giá trị bản thân.

D. Bao gồm tất cả các công việc có môi trường làm việc năng động, hiện đại và luôn biến đổi.

Câu 5. Điểm khác nhau giữa nghề nghiệp và việc làm là

A. nghề nghiệp là dạng lao động đòi hỏi ở con người quá trình đào tạo chuyên biệt, có kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo, chuyên môn nhất định.

B. nghề nghiệp bao gồm cả những công việc nhất thời và lâu dài.

C. nghề nghiệp là những công việc người lao động được giao cho và được trả công.

D. nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu ở mức độ cao hơn của xã hội.

Câu 6. Giáo dục phổ thông có hai thời điểm phân luồng là sau tốt nghiệp trung học cơ sở và
A. sau tốt nghiệp trình độ trung cấp. B. sau tốt nghiệp trung học phổ thông.
C. sau tốt nghiệp trình độ cao đẳng. D. sau tốt nghiệp trình độ đại học.

Câu 7. Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam bao gồm:

- A. giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.
- B. giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.
- C. giáo dục nghề nghiệp và giáo dục phổ thông.
- D. giáo dục mầm non và giáo dục đại học.

Câu 8. Giáo dục phổ thông bao gồm:

- A. mẫu giáo, tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông.
- B. trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng.
- C. giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông.
- D. nhà trẻ và mẫu giáo.

Câu 9. Giáo dục mẫu giáo có độ tuổi là bao nhiêu?

- A. Từ 3 đến 36 tháng tuổi. B. Từ 3 đến 5 tuổi.
- C. Từ 6 đến 12 tuổi. D. Từ 13 tuổi trở lên.

Câu 10. Giáo dục nghề nghiệp bao gồm:

- A. trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng.
- B. trình độ đại học và trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.
- C. trình độ giáo dục thường xuyên.
- D. trình độ giáo dục phổ thông và trình độ giáo dục đại học.

Câu 11. Ý nào dưới đây **không đúng** khi nói về yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động?

- A. Nguồn cung lao động. B. Sự chuyển dịch cơ cấu.
- C. Nhu cầu lao động. D. Sự phát triển của công nghệ, cơ khí.

Câu 12. Thị trường lao động có vai trò như thế nào trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ?

- A. Thị trường lao động không ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực này.
- B. Giúp người học định hướng lựa chọn ngành nghề, trình độ đào tạo phù hợp với năng lực.
- C. Thị trường lao động chỉ ảnh hưởng đến việc tuyển dụng người lao động, không định hướng nghề nghiệp.
- D. Giúp người lao động không có cơ hội được tuyển dụng vào vị trí việc làm phù hợp năng lực.

Câu 13. Thị trường lao động là gì?

- A. Là thị trường trao đổi hàng hóa sức lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động trên cơ sở thỏa thuận với nhau về tiền lương, các điều kiện làm việc, ...
- B. Là người lao động bên bán, người sử dụng lao động bên mua.
- C. Là hàng hóa sức lao động - toàn bộ thể lực và trí lực của con người được vận dụng trong quá trình lao động.
- D. Là các loại hàng hóa, dịch vụ có trên thị trường để trao đổi và mua, bán.

Câu 14. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng nào?

- A. Giảm tỉ trọng lao động khu vực nông – lâm nghiệp.
- B. Giảm tỉ trọng lao động khu vực dịch vụ.
- C. Giảm tỉ trọng lao động khu vực công nghiệp.
- D. Giảm tỉ trọng lao động khu vực nông nghiệp.

Câu 15. Để đưa ra quyết định chọn nghề tương lai cho phù hợp, mỗi học sinh cần

- A. có kế hoạch học tập, tu dưỡng, rèn luyện để chuẩn bị cho việc tham gia vào hoạt động nghề nghiệp.

B. căn cứ lựa chọn nghề phù hợp với sở thích của bản thân.
C. có kế hoạch học tập, lựa chọn nghề phù hợp thỏa mãn nhu cầu tuyển dụng lao động của xã hội.

B. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 17. (1 điểm) Em hãy cho biết: sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, có những hướng đi nào có thể lựa chọn để theo đuổi nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

Câu 18. (2 điểm) Em hãy lựa chọn một ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và tìm kiếm thông tin thị trường lao động của ngành nghề đó. Báo cáo kết quả tìm kiếm được ?

A. TRẮC NGHIỆM:

B. TỰ LUẬN:

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and extend across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

HƯỚNG DẪN CHẤM- BIỂU ĐIỂM

A. TRẮC NGHIỆM : (5 điểm) (Mỗi câu điền đúng được 0,33 điểm, 2 câu đúng được 0,67 điểm, 3 câu 1,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đáp án	B	A	C	D	A	B	A	C	B	A	D	B	A	D	A

B. TỰ LUẬN: (5 điểm)

CÂU	HƯỚNG DẪN CHẤM	ĐIỂM
16 (2,0 đ)	Những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ: - Năng lực: + Có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, vận dụng được kiến thức chuyên môn vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. + Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và sáng tạo + Có năng lực tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, sử dụng ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc. + Có đủ sức khỏe để đảm bảo hoàn thành công việc, không mắc những bệnh mãn tính gây ảnh hưởng đến quá trình làm việc. - Phẩm chất: + Tuân thủ đúng quy định, quy trình kỹ thuật và an toàn lao động: cẩn cù, chăm chỉ, cố gắng khắc phục khó khăn để hoàn thành công việc. + Chấp hành nghiêm kỷ luật lao động, làm việc có trách nhiệm. + Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, phát triển nghề nghiệp.	0,25 0,25 0,25 0,25 0,5 0,25 0,25
17 (1,0 đ)	Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, có 3 hướng đi có thể lựa chọn để theo đuổi nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ: - Hướng đi 1: Theo học các ngành thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ các trình độ sơ cấp, trung cấp tại các sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo. - Hướng đi 2: Theo học tại các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên để vừa học chương trình trung học phổ thông kết hợp với học một nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. - Hướng đi 3: Tiếp tục học trung học phổ thông và định hướng lựa chọn các môn học liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.	0,25 0,25 0,25 0,25
18 (2,0 đ)	Ví dụ: Ngành kỹ sư dầu khí - Thông tin thị trường lao động của ngành kỹ sư dầu khí : + Công việc của các kỹ sư dầu khí là vận hành, tìm kiếm các phương pháp nâng cao hiệu quả khai thác các giếng dầu mỏ, khí đốt và ngành đang cần nguồn nhân lực chất lượng cao. + Thu nhập của những người làm việc trong ngành dầu khí thường ở mức rất	1,0 đ

	cao so với mặt bằng chung. Ngay cả trong thời kỳ suy thoái kinh tế do dịch bệnh COVID-19, những công việc thuộc nhóm ngành này vẫn đảm bảo mức lương vô cùng hấp dẫn, trung bình 80.749 USD/năm. <i>(Lưu ý: Học sinh cho ví dụ khác đúng vẫn ghi điểm tối đa)</i>	1,0 đ
--	---	-------